

(Tiếp theo Công báo số 91 + 92)

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC

QUY TRÌNH 02

CẬP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ¹

I.1. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẬP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được quy định theo từng đối tượng như sau: - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	01	Bản chính

¹ Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành

3	Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (riêng đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường)	01	Bản sao
---	---	----	---------

I.2. THÀNH PHẦN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP HỒ SƠ PHẢI CHỈNH SỬA, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG SAU KHI THẨM ĐỊNH

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>), trong đó giải trình các nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở đã được chỉnh sửa, bổ sung	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

a) Nơi tiếp nhận, trả kết quả và thời gian xử lý

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý
<p>- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố (http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn) và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>- Tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</p> <p>- Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</p> <p>- Tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</p> <p>- Đối với hồ sơ cấp giấy phép môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu</p>

	<p>câu của cơ quan cấp giấy phép môi trường sau khi thẩm định):</p> <p>+ 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp theo điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) theo quy định điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP .</p> <p>+ 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (thuộc thẩm quyền cấp tỉnh) theo quy định khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (thuộc thẩm quyền cấp huyện) theo quy định khoản 6 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>+ 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) theo quy định khoản 9 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p>
--	--

b) Lệ phí (theo quy định tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

Đối tượng	Mức phí (Đồng/hồ sơ)	
	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức
Đối tượng 1	13.500.000	-
Đối tượng 2	9.600.000	-
Đối tượng 3	19.300.000	9.600.000
Đối tượng 4	5.800.000	3.500.000
Đối tượng 5	4.200.000	4.200.000

Trong đó:

- Đối tượng 1: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 2: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 3: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Đối tượng 4: Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Đối tượng 5:

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

- Mức phí không bao gồm chi phí vận chuyên, chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định. Trong trường hợp cần thiết phải lấy mẫu chất thải thì việc xác định số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích mẫu và đơn vị lấy mẫu do Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định, Đoàn kiểm tra hoặc Tổ kiểm tra quyết định.

- Không quy định về đối tượng miễn, giảm phí đối với tất cả các đối tượng.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

1) Quy trình cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh và cấp huyện): 20 ngày

a) Quy trình nộp hồ sơ lần đầu: 20 ngày

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân,	Giờ hành	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	Kiểm tra thành phần hồ sơ	tổ chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	chính	Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p>mục I</p> <p>1. Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyên sang bước B2. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03. <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	<p>Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét đối tượng và nội dung hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => Chuyển sang B3.1</p> <p>- Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					phí theo quy định tại mục II.b ⁽²⁾ . Chuyển sang B3.2
B3.1	Trả hồ sơ				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	03 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. Chuyển sang B4
B3.2	Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường				
B3.2.1	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC	Văn phòng KCNC - Ban Biên tập trang thông tin điện tử	0,5 ngày		Theo quy định tại điểm a khoản 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
B3.2.2	Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/ Đoàn kiểm tra/ Tổ kiểm tra và thông báo kế hoạch khảo sát thực tế				
B3.2.2.1	Dự thảo Quyết định/Thông báo	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,5 ngày	Mẫu số 22, 23, 24, 25 và 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/ Đoàn kiểm tra/ Tổ kiểm tra hoặc Thông báo kế hoạch khảo sát
B3.2.2.2	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch -	0,5 ngày	02/2022/TT-BTNMT	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định/Thông báo

² Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		Xây dựng và Môi trường			
<i>B3.2.2.3</i>	<i>Ký duyệt ban hành</i>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Quyết định/Thông báo
<i>B3.2.2.4</i>	<i>Lấy số Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,25 ngày		Lấy số Quyết định/Thông báo, đóng dấu, lưu hồ sơ.
<i>B3.2.2.5</i>	<i>Ban hành Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,25 ngày		Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định/Gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân
<i>B3.2.2.6</i>	<i>Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định hoặc Kiểm tra thực tế khu vực thực hiện dự án để thẩm định</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	05 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 27, 28, 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Mẫu số 30, 31, 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội đồng/tổ thẩm định, lập biên bản họp hội đồng/tổ thẩm định theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Tổ chức đoàn/ tổ kiểm tra theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, lập biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường nộp về theo mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					(Bản nhận xét và Phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định) hoặc mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét của Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra tại địa điểm triển khai dự án).
B3.2.3	Tổng hợp hồ sơ thẩm định	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	03 ngày		Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi họp thẩm định: - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ => Chuyển sang B3.2.3.1 - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường => Chuyển sang B3.2.3.2
B3.2.3.1	Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4
B3.2.3.2	Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường				
	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. Chuyển sang B4
B4	Xem xét,	Lãnh đạo	2,25 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	ký nội dung trình	Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường			dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang bước B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	2,5 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. Chuyển sang bước B6
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

b) Quy trình nộp hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung sau khi thẩm định: 10 ngày³

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I

³ Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không quy định số lần hồ sơ được nộp lại sau khi đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	Kiểm tra thành phần hồ sơ	chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p>1. Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03. <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp thành phần hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
B2	Chuyên hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyên hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Rà soát hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	2,75 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ => Chuyển sang B3.1 - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường => Chuyển sang B3.2
B3.1	<i>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung</i>				
	<i>Dự thảo văn bản</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	<i>Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i>	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.2	Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường				
	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. Chuyển sang B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	2,25 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường. Chuyển sang bước B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	2,5 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. Chuyển sang bước B6
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

2) Quy trình thẩm định và cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh): 30 ngày

a) Quy trình nộp hồ sơ lần đầu: 30 ngày

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra thành phần hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p>1. Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03. <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	<p>Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét nội dung hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => Chuyển sang B3.1</p> <p>- Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					phí theo quy định tại mục II.b ⁽⁴⁾ . Chuyển sang B3.2
B3.1	Trả hồ sơ				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. Chuyển sang B4
B3.2	Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường				
B3.2.1	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC	Văn phòng KCNC - Ban Biên tập trang thông tin điện tử	0,5 ngày		Theo quy định tại điểm a khoản 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
B3.2.2	Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/ Đoàn kiểm tra/ Tổ kiểm tra và thông báo kế hoạch khảo sát thực tế				
B3.2.2.1	Dự thảo Quyết định/Thông báo	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,5 ngày	Mẫu số 22, 23, 24, 25 và 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra hoặc Thông báo kế hoạch khảo sát
B3.2.2.2	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch -	0,5 ngày	02/2022/TT-BTNMT	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định/Thông báo

⁴ Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		Xây dựng và Môi trường			
B3.2.2.3	<i>Ký duyệt ban hành</i>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Quyết định/Thông báo
B3.2.2.4	<i>Lấy số Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,25 ngày		Lấy số Quyết định/Thông báo, đóng dấu, lưu hồ sơ.
B3.2.2.5	<i>Ban hành Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,25 ngày		Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định/Gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân
B3.2.2.6	<i>Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định hoặc Kiểm tra thực tế khu vực thực hiện dự án để thẩm định</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	15 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 27, 28, 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Mẫu số 30, 31, 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội đồng/tổ thẩm định, lập biên bản họp hội đồng/tổ thẩm định theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Tổ chức đoàn/ tổ kiểm tra theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, lập biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường nộp về theo mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					(Bản nhận xét và Phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định) hoặc mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét của Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra tại địa điểm triển khai dự án).
B3.2.3	Tổng hợp hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	03 ngày		Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi họp thẩm định: - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ => Chuyển sang B3.2.3.1 - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường => Chuyển sang B3.2.3.2
B3.2.3.1	Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4
B3.2.3.2	Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường				
	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. Chuyển sang B4

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	2,25 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường. Chuyển sang B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	2,5 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. Chuyển sang B6
B6	Phát hành văn bản	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hện	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

b) Quy trình nộp hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung sau khi thẩm định: 10 ngày⁵

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra thành phần hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p>1. Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03. <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo

⁵ Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không quy định số lần hồ sơ được nộp lại sau khi đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Rà soát hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	2,75 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung:</p> <p>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ => Chuyển sang B3.1</p> <p>- Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường =></p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					Chuyển sang B3.2
B3.1	Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4
B3.2	Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường				
	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. Chuyển sang B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	2,25 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường. Chuyển sang B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	2,5 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. Chuyển sang B6
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả,	Bộ phận tiếp	Theo thời gian trả	Kết quả giải quyết	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	thống kê và theo dõi	nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	trên hệ thống dịch vụ công/giấy hện	TTHC	chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

3) Quy trình thẩm định và cấp lại giấy phép môi trường (cấp huyện): 30 ngày

a) Quy trình nộp hồ sơ lần đầu: 30 ngày

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức		Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra thành phần hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p>1. Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <p>Chuyển sang bước B2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ; lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => Chuyển sang B3.1 - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b ⁽⁶⁾ . => Chuyển sang B3.2
B3.1	Trả hồ sơ				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. Chuyển sang B4
B3.2	Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường				
B3.2.1	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép	Văn phòng KCNC - Ban Biên tập trang	0,5 ngày		Theo quy định tại điểm a khoản 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

⁶ Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC</i>	thông tin điện tử			
B3.2.2	<i>Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/ Đoàn kiểm tra/ Tổ kiểm tra và thông báo kế hoạch khảo sát thực tế</i>				
B3.2.2.1	<i>Dự thảo Quyết định/Thông báo</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,5 ngày	Mẫu số 22, 23, 24, 25 và 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra hoặc Thông báo kế hoạch khảo sát
B3.2.2.2	<i>Xem xét, ký nội dung trình</i>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định/Thông báo
B3.2.2.3	<i>Ký duyệt ban hành</i>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Quyết định/Thông báo
B3.2.2.4	<i>Lấy số Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,25 ngày		Lấy số Quyết định/Thông báo, đóng dấu, lưu hồ sơ.
B3.2.2.5	<i>Ban hành Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,25 ngày		Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định/Gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân
B3.2.2.6	<i>Tổ chức họp Hội đồng thẩm</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết	20 ngày		- Mẫu số 27, 28, 29 Phụ lục II ban

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>định/ Tổ thẩm định hoặc Kiểm tra thực tế khu vực thực hiện dự án để thẩm định</i>	TTHC		<p>hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</p> <p>- Mẫu số 30, 31, 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</p>	<p>định theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</p> <p>- Tổ chức đoàn/ tổ kiểm tra theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, lập biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</p> <p>- Tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường nộp về theo mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét và Phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định) hoặc mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét của Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra tại địa điểm triển khai dự án).</p>
B3.2.3	<i>Tổng hợp hồ sơ</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi họp thẩm định:</p> <p>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ =></p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					Chuyển sang B3.2.3.1 - Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường => Chuyển sang B3.2.3.2
B3.2.3.1 Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung					
	<i>Dự thảo văn bản</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4
B3.2.3.2 Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường					
	<i>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (cấp lại)</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng QHXDMT	0,75 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý KCNC	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B6
B6	Phát hành văn bản	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

b) Quy trình nộp hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung sau khi thẩm định: 05 ngày⁷

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức		Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra thành phần hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	1. Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp không đúng thẩm

⁷ Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không quy định số lần hồ sơ được nộp lại sau khi đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Rà soát	Chuyên	1,75 ngày		Chuyên viên thụ lý rà soát hồ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	hồ sơ	viên thụ lý giải quyết TTHC			sơ sau khi tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung: - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường, cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ => Chuyển sang B3.1 - Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường => Chuyển sang B3.2
B3.1 Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung					
	<i>Dự thảo văn bản</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	<i>Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i>	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4
B3.2 Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường					
	<i>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (cấp lại)</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	<i>Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i>	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,75 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B6

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hện	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

4) Quy trình thẩm định và cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh và cấp huyện): 15 ngày

a) Quy trình nộp hồ sơ lần đầu: 15 ngày

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra thành phần hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	1. Tiếp nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ,</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	<p>Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét đối tượng và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => Chuyển sang B3.1 - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b⁽⁸⁾. =>Chuyển

⁸ Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					sang B3.2
B3.1	Trả hồ sơ				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. Chuyển sang B4
B3.2	Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường				
B3.2.1	Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC	Văn phòng KCNC - Ban Biên tập trang thông tin điện tử	0,5 ngày		Theo quy định tại điểm a khoản 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
B3.2.2	Ban hành Quyết định thành lập Tổ thẩm định				
B3.2.2.1	Dự thảo Quyết định	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,5 ngày	Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Tổ thẩm định
B3.2.2.2	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,5 ngày	Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định
B3.2.2.3	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Quyết định

chính giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.2.2.4	<i>Lấy số Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,25 ngày		Lấy số Quyết định, đóng dấu, lưu hồ sơ.
B3.2.2.5	<i>Ban hành Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng Ban Quản lý	0,25 ngày		Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định đến tổ chức, cá nhân
B3.2.2.6	<i>Tổ chức họp Tổ thẩm định</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	05 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Tổ thẩm định, lập biên bản họp Tổ thẩm định <i>theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>. - Tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường <i>nộp về theo mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét và Phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định)</i>
B3.2.3	<i>Tổng hợp hồ sơ</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi họp Tổ thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ => Chuyển sang B3.2.3.1 - Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường => Chuyển sang B3.2.3.2

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.2.3.1 Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung					
	<i>Dự thảo văn bản</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4
B3.2.3.2 Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường					
	<i>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (cấp lại)</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng QHXDMT	0,75 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý KCNC	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B6
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban	Theo thời gian trả trên hệ thống	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
		Quản lý	dịch vụ công/giấy hện		theo quy định.

b) Quy trình nộp hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung sau khi thẩm định: 05 ngày⁹

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra thành phần hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p>1. Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp không đúng

⁹ Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không quy định số lần hồ sơ được nộp lại sau khi đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B2. - Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					lễ theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
B3	Rà soát hồ sơ	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày		Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung: - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường, cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ => Chuyển sang B3.1 - Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường => Chuyển sang B3.2
B3.1	Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung				
	Dự thảo văn bản	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Chuyển sang B4
B3.2	Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường				
	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (cấp lại)	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B4

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường	0,75 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B5
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường (cấp lại). Chuyển sang B6
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Kết quả giải quyết TTHC	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
5	BM 05	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
6	BM 06	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp cơ sở, dự án đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
7	BM 07	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
8	BM 08	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
9	BM 09	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)
10	BM 10	Quyết định thành lập tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)
11	BM 11	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (Mẫu số 24 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
12	BM 12	Quyết định thành lập tổ kiểm tra trong trường hợp cấp lại giấy phép môi trường cho cơ sở đang hoạt động thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện (<i>Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
13	BM 13	Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát thực tế trong trường hợp cấp lại giấy phép môi trường cho dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (<i>Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
14	BM 14	Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (<i>Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
15	BM 15	Biên bản họp hội đồng thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (<i>Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
16	BM 16	Biên bản kiểm tra cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
17	BM 17	Bản nhận xét của thành viên hội đồng thẩm định/tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (<i>Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
18	BM 18	Phiếu thẩm định của thành viên hội đồng thẩm định/tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (<i>Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
19	BM 19	Bản nhận xét của thành viên đoàn kiểm tra/tổ kiểm tra cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
20	BM 20	Văn bản thông báo hoàn thiện hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (<i>Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)
21	BM 21	Giấy phép môi trường cấp lại (<i>Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	//	Theo mục I
5	//	Kết quả giải quyết TTHC
6	//	Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác nếu có theo quy định hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí

Minh.

- Nghị quyết số 98/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023.

- Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

VII. CÁC BIỂU MẪU**BM 01**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1

2

3

4

Số lượng hồ sơ: (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ngày

Thời gian nhận hồ sơ:giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số: Số thứ tự.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là
biểu mẫu điện tử)*

Ghi chú:

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;
- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

BM 02

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../HDHS

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với
..... số điện thoại để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là
biểu mẫu điện tử)*

BM 03

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa:

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu
mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

BM 04**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ, CƠ SỞ**

(Mẫu Phụ lục XIII kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

(1)

Số:

V/v đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp
lại giấy phép môi trường của dự án,
cơ sở (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (3)

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số ... Phụ lục... ban hành kèm theo Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày tháng năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

- Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số: .../GPMT-..... ngày.... tháng....năm..... *(chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường).*

2. Địa chỉ trụ sở chính của (1):

3. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: ngày.....của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

4. Người đại diện theo pháp luật của (1):..... Chức vụ:

- Điện thoại:.....;Fax:.....; E-mail:

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: Chức vụ:

Điện thoại:; Email:

Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì nêu bổ sung mục 6 dưới đây:

6. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

Phần này nêu rõ nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, lý do đề nghị cấp điều chỉnh.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);
- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);
- 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: ...

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ... (1)...

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

Biểu mẫu này không áp dụng cho trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

BM 05**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
NHÓM II KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC
ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

(Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư
(1)

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của dự án đầu tư (2)

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (*)
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

*Địa danh (**), tháng ... năm ...*

Ghi chú: (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (**) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư.

MỤC LỤC
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG,
CÁC HÌNH VẼ

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:
- Địa chỉ văn phòng:
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:
- Điện thoại:; Fax:; E-mail:
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:ngàycủa chủ dự án đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.
2. Tên dự án đầu tư:
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có):
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:
 - 3.1. Công suất của dự án đầu tư:
 - 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:
 - 3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Ghi chú: Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ dự án không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện dự án, trong đó làm rõ:

- Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học có thể bị tác động bởi dự án;

- Các đối tượng nhạy cảm về môi trường, danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án:

- Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải: Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải; hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa

lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn.

- Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

- Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải: hiện trạng khai thác, sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận (nêu rõ các hoạt động, mục đích khai thác, sử dụng nước chính, khoảng cách, vị trí các công trình so với vị trí dự kiến xả nước thải).

- Mô tả hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải: các hoạt động xả nước thải khác vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải với các thông tin chính sau:

+ Thống kê các đối tượng xả nước thải trong khu vực (vị trí, khoảng cách đến vị trí xả nước thải).

+ Mô tả về nguồn nước thải của từng đối tượng xả nước thải trong khu vực (hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải, lưu lượng, chế độ xả nước thải).

- Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án; đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.

Việc đánh giá hiện trạng môi trường không khí xung quanh chỉ yêu cầu đối với những dự án phát sinh bụi, khí thải gây ô nhiễm môi trường hoặc dự án sử dụng mô hình tính toán lan truyền ô nhiễm (nếu có).

Chương IV**ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án đầu tư

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động:

Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các hoạt động chính sau đây:

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất;
- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng;
- Khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);
- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Thi công các hạng mục công trình của dự án đối với các dự án có công trình xây dựng;
- Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước,...).

Yêu cầu: Đối với nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải rắn cụ thể hóa về tải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải.

(Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép môi trường phải đánh giá tổng hợp các tác động từ việc thay đổi nội dung dự án đầu tư)

1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện:

- Về nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất

súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

- Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải;

- Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

- Về tiếng ồn, độ rung: Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do hoạt động của dự án;

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

(Trường hợp có thay đổi công trình bảo vệ môi trường khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, phải liệt kê đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường dự kiến thay đổi)

2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Đánh giá, dự báo các tác động:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác). Mỗi tác động phải được cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận (nếu có).

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung).

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải đánh giá bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án đầu tư.

- Đối với dự án đầu tư khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy theo quy định của pháp luật.

- Đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi phải có đánh

giá tác động và biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi.

- Kết quả tính toán của mô hình phát tán chất ô nhiễm, sự cố môi trường đối với dự án đầu tư xả trực tiếp ra môi trường từ 10.000 m³/ngày (24 giờ) nước thải trở lên (trừ nước làm mát thiết bị, nước nuôi trồng thủy sản) hoặc xả bụi, khí thải có lưu lượng từ 200.000 m³/giờ trở lên, trừ trường hợp dự án đầu tư không thay đổi nội dung liên quan đến hoạt động xả nước thải, bụi, khí thải so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề xuất cấp lại giấy phép môi trường).

(Trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép môi trường phải đánh giá tổng hợp các tác động từ việc thay đổi nội dung dự án đầu tư).

2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện:

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả đánh giá các tác động tại Mục 2.1, hiện trạng và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước, chủ dự án đầu tư phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) về công trình, biện pháp xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải dự kiến xây dựng hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có).

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là bản vẽ thiết kế, đính kèm tại Phụ lục của báo cáo).

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có). CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có).

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

b) Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có).

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

c) Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành; chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm và kg/tháng);

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn khác (nếu có).

d) Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

- Mô tả chi tiết các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án;

- Mô tả các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác (nếu có).

đ) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của

công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

(Trường hợp có thay đổi công trình bảo vệ môi trường khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường, phải liệt kê đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường dự kiến thay đổi)

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư;

- Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục;

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác;

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

Chương V

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

*(Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây
tôn thất, suy giảm đa dạng sinh học)*

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản

1.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; quy hoạch sử dụng đất sau khai thác (nếu có), tổ chức, cá nhân phải xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi.

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đưa ra cần làm rõ các nội dung sau:

+ Xác định thời điểm, nội dung thực hiện một phần công tác cải tạo, phục hồi môi trường (ngay trong quá trình khai thác) đối với các hạng mục công trình mỏ (công trình phụ trợ khai thác, bãi thải mỏ,...) và khu vực khai thác (trường hợp mỏ khai thác theo hình thức “cuốn chiếu”, có thể thực hiện được công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng);

+ Xác định các hạng mục công trình mỏ, các hạng mục công việc cần cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực khai thác (moong khai thác đối với mỏ lộ thiên; hệ thống đường lò/giếng thông gió, vận chuyển, lò chợ ... đối với mỏ hầm lò) trong giai đoạn đóng cửa mỏ (thời điểm kết thúc khai thác mỏ theo dự án đầu tư đã lập);

+ Mô tả các giải pháp, công trình và khối lượng, kinh phí để cải tạo, phục hồi môi trường; lập bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: tác động liên quan đến chất thải, tác động không liên quan đến chất thải như: cảnh quan, sinh thái sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...) và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu.

- Tính toán “chỉ số phục hồi đất” cho các phương án lựa chọn. Trên cơ sở đánh giá và so sánh “chỉ số phục hồi đất” và ưu điểm, nhược điểm của các phương án, lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

1.2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục,

khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường;
- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;
- Thiết kế các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;
- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

1.3. Kế hoạch thực hiện

- Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;
- Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình;
- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
1	Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A						
2	Trồng cây khu A						
....						

1.4. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ:

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với dự án chôn lấp chất thải

2.1. Lựa chọn giải pháp cải tạo môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình xử lý chất thải, ảnh hưởng của quá trình xử lý chất thải đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường.

- Việc cải tạo môi trường thực hiện theo quy định có liên quan.

- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo môi trường. Xây dựng bản đồ địa hình của khu vực bãi chôn lấp chất thải sau khi đóng bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt.

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, sự cố môi trường,...) để lựa chọn phương án cải tạo môi trường.

2.2. Nội dung cải tạo môi trường

Từ giải pháp cải tạo môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo môi trường;
- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;
- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo môi trường;
- Lập bảng các công trình cải tạo môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường;
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo môi trường;
- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế cơ sở.

2.3. Kế hoạch thực hiện

- Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo môi trường;
- Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình;
- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo môi trường;
- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/ đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực ô chôn lấp chất thải						
1	Hệ thống xử lý nước thải						
2	Hệ thống xử lý khí						

	thải						
3	Hệ thống quan trắc, giám sát môi trường						
...						

2.4. Dự toán chi phí cải tạo môi trường

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường:

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ:

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Chương VI

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.....

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.....

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường)

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Chương VII

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn). Trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ

thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.
- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành của công trình xử lý chất thải;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;
- Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị

quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có);

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Phụ lục 2: Đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản: Đính kèm bổ sung các loại giấy tờ, hồ sơ sau:

Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ via khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

Ghi chú: Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định này, có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường chỉ thể hiện các nội dung thay đổi so với nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trước đó.

(Xem tiếp Công báo số 95 + 96)